

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/DS-PT

Ngày: 09/12/2020

V/v “*Tr/c quyền sử dụng đất và buộc tháo
dỡ công trình xây dựng trên đất*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Mai

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Tăng

Ông Ngô Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đồng Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Sáu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09/12/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2020/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và buộc tháo dỡ công trình xây dựng trên đất*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST, ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân Huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2020/QĐ-PT, ngày 11/11/2020 giữa các bên đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Tính H - Sinh năm 1956; (Có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn 1, xã Đ, Huyện G, tỉnh N

Chỗ ở: Số 114 Lê Hồng Phong, Phường P, Thành phố H, tỉnh N.

Bà Nguyễn Thị B - Sinh năm 1957;

Địa chỉ: Khối 9, thị trấn Đ, Huyện T, tỉnh K (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Vũ Anh M,

Địa chỉ: Khối 9, thị trấn Đ, Huyện T, tỉnh K (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H (Vắng mặt) và chị Phạm Thị H (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã C, Huyện Đ, tỉnh K.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn H là chị Phạm Thị H.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân xã C, Huyện Đ, tỉnh K (Vắng mặt)

- + Anh Lê Văn D; địa chỉ: Thôn 1, xã C, Huyện Đ, tỉnh K(Vắng mặt)
- + Anh Hoàng Trọng L; địa chỉ: Khối 5, thị trấn Đ, Huyện T, tỉnh K (Vắng mặt)
- + Ông Lê Quang T; bà Bùi Thị T và anh Lê Minh T (Vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Khối 4, thị trấn Đ, Huyện T, tỉnh K
- + Bà Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Trọng T (Vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Khối 9, Thị trấn T, Huyện Đ, tỉnh K.

- Người làm chứng:

- + Ông Trương Quang Đ; ông Nguyễn Trọng T; ông Nguyễn Đức L (Có mặt)
- + Ông Lê Văn L; chị Nguyễn Thị N; anh Đỗ Quyết Th (Vắng mặt)
- + Chị Nguyễn Thị T; anh Hoàng Trọng D (Vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã C, huyện T, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Trần Tính H, bà Nguyễn Thị B và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 1996, ông Trần Tính H, bà Nguyễn Thị B nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Trọng T một thửa đất với diện tích 02 ha. Đến năm 1999, Trung đoàn 24 mở đường đi ngang qua thửa đất của ông H, bà B nên được bồi thường số tiền 755.590đ, ông H bà B để cho bà H nhận tiền bồi thường. Ngày 17/11/2000, hộ ông Trần Tính H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 12.220m², năm 2003 ông H, bà B chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất 12.220m² cho 20 hộ gia đình. Phần diện tích đất còn lại chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khoảng tháng 3/2006 ông H, bà B cho ông Nguyễn Trọng T mượn để trồng cây ngắn ngày nhưng ông T không sử dụng, 3 tháng sau ông T trả lại đất cho ông H, bà B. Năm 2015 ông H, bà B phát hiện chị Phạm Thị H, anh Nguyễn Văn H lấn chiếm nên làm đơn khởi kiện. Nay ông H, bà B yêu cầu Tòa án buộc chị H, anh H trả lại diện tích 756m² đất lấn chiếm, có tứ cận Phía bắc giáp tường rào Trung đoàn 24 dài 36m; phía đông giáp đất bà Phạm Thị H đang sử dụng dài 21m; phía tây giáp mặt đường đi vào Trung đoàn 24 dài 21m; phía nam giáp đất trống dài 36m, đồng thời buộc anh H, chị H tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trên đất, khôi phục lại tình trạng ban đầu của thửa đất.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H và chị Phạm Thị H trình bày: Nguồn gốc thửa đất tranh chấp vợ, chồng anh chị khai hoang sử dụng từ năm 1997 nhưng đến nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Liên tục trong nhiều năm anh chị trồng mỳ trên thửa đất đó không có ai tranh chấp. Tháng 10/2009 vợ chồng anh chị đã thuê đồ đất hết 22.500.000đ. Năm 2012 anh chị đã thực hiện việc kê khai tại UBND xã Tân Cảnh để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khoảng cuối năm 2016 UBND xã Tân Cảnh đã xác Đ sơ đồ vị trí, hiện trạng thửa đất của các hộ đang sử dụng, trong đó có hộ gia đình anh chị. Cũng trong năm 2016 vợ chồng anh chị đã làm nhà, xây bể bơi, công trình phụ để ở và buôn bán hàng tạp hóa trên toàn bộ diện

tích đất có chiều rộng đường vào Trung đoàn 24 là 21m; chiều dài là 85m. Tứ cận Phía đông giáp đất bà Chi rộng 21m; Phía tây giáp đường đi vào trung đoàn 24 rộng 21m; Phía nam giáp đất trống do UBND xã Tân Cảnh đang quản lý dài 85m; Phía bắc giáp tường rào Trung đoàn 24 dài 85m. Anh chị vẫn giữ nguyên quan điểm là vợ chồng anh chị không lấn chiếm đất của ông H, bà B vì vậy việc ông H bà B yêu cầu vợ chồng anh chị trả đất, tháo dỡ toàn bộ nhà và công trình xây dựng trên đất là không có căn cứ, anh chị không chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Trọng T trình bày: Khoảng năm 1990, anh được Lâm trường Quang Trung nay là Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp ĐắkTô giao cho 02 ha đất tại thôn 2, xã Tân Cảnh, Huyện ĐắkTô, tỉnh Kon Tum, theo hình thức nhận khoán sản phẩm. Giấy tờ giao đất do Lâm trường giữ và đã bị tiêu hủy khi sáp nhập; khi giao đất không T hành đo đạc diện tích mà chỉ có cán bộ lâm trường thông báo diện tích là 02 ha. Năm 1996, anh chuyển nhượng cho ông Trần Tính H 1,4 ha nhưng ghi tên trong giấy chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị H (mẹ vợ anh). Còn lại 0,6 ha UBND tỉnh thu hồi để làm đường đi vào Trung đoàn 24, việc thu hồi này chỉ có quyết Đ tổng T, không có quyết Đ thu hồi đối với từng hộ gia đình và cũng không có sơ đồ từng thửa đất bị thu hồi. Như vậy, toàn bộ diện tích đất anh nhận khoán của Lâm trường thì anh đã chuyển nhượng và UBND tỉnh Kon Tum thu hồi hết. Khoảng năm 1999, 2000 nhà nước có bồi thường, do đất bị thu hồi để làm đường đi vào Trung đoàn 24 giữa mẹ vợ anh và ông H đã thỏa thuận để cho mẹ vợ anh nhận tiền bồi thường.

Qua nhiều năm, thửa đất anh chuyển nhượng cho ông H, bà B đã chuyển đổi cho nhiều người nên anh không nhớ vị trí chính xác của thửa đất nữa. Anh đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất được giao cho ông H, nay ông H có tranh chấp với chị H, anh H anh không có ý kiến gì.

Bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà là mẹ vợ của anh Nguyễn Trọng T, những nội dung anh T trình bày là đúng thực tế. Việc tranh chấp đất đai giữa ông Trần Tính H và bà Phạm Thị H hiện Tòa án đang giải quyết bà không có liên quan gì và cũng không có ý kiến gì.

Anh Hoàng Trọng L, Lê Văn D, Lê Quang T, Bùi Thị T, Lê Minh T đều có ý kiến: Việc Tòa án giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Trần Tính H, bà Nguyễn Thị B và chị Phạm Thị H, anh Nguyễn Văn H các ông, bà đều không có ý kiến gì. Không yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án riêng. Không có yêu cầu độc lập đối với thửa đất đang tranh chấp.

UBND xã C, Huyện Đ có ý kiến: Toàn bộ thửa đất số 08 tờ bản đồ số 72 đã được UBND Huyện ĐắkTô giao cho UBND xã Tân Cảnh quản lý tại thông báo số 38/TB - UBND ngày 23/6/2017. Hiện UBND xã Tân Cảnh thực hiện việc quản lý đất đai theo đúng quy Đ của pháp luật. Việc chị Phạm Thị H, anh Nguyễn Văn H lấn chiếm và xây dựng trái phép đã được UBND xử phạt vi phạm hành chính tại quyết Định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 57/QĐ-XPVPHC ngày 22/6/2020. Ông H, bà B cho rằng thửa đất này thuộc quyền sử dụng của ông bà thì pH có các giấy tờ pháp lý để chứng M. Mặt khác, thửa đất trên ông H, bà B không

pH là người trực tiếp sử dụng đất liên tục từ năm 1996 cho đến nay. Vị trí thửa đất đang tranh chấp cách phần đất ông H sử dụng trước đây một thửa hiện chưa cấp quyền sử dụng cho tổ chức, cá nhân nào.

Những người làm chứng:

Ông Nguyễn Đức L, ông Lê Văn L đều trình bày: Năm 1991 Ông L là giám đốc, ông L là kế toán trưởng kiêm cán bộ kế hoạch của Lâm trường Quang Trung nay là Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Đắk Tô. Năm 1992 Lâm trường Quang Trung có chủ trương giao đất cho công nhân Lâm trường nhận khoán để trồng mía. Việc giao đất chỉ giao theo lô, không T hành đo đạc, không có sơ đồ, trích lục, không có giấy tờ giao đất nên không biết diện tích được giao. Ông L là người trực tiếp giao đất cho từng hộ trong đó có anh Nguyễn Trọng T.

Ông Trương Quang Đ và ông Nguyễn Trọng T đều trình bày: Các ông đều biết ông Trần Tính H có thửa đất tại thôn 2, xã Tân Cảnh tiếp giáp với Trung đoàn 24 nhưng không biết cụ T diện tích là bao nhiêu, tứ cận cụ T như thế nào. Khoảng tháng 3 năm 2006 ông H có cho ông T mượn để trồng mỳ nhưng vì diện tích nhỏ nên ông T không trồng mỳ khoảng 3 tháng sau ông T trả lại cho ông H.

Anh Hoàng Trọng D, anh Đỗ Quyết T, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị N đều trình bày: Từ những năm 1997, năm 2000 đến nay đã thường xuyên đi làm công trồng mỳ, nhổ cỏ mỳ cho chị H và anh H tại thửa đất sát tường rào trung đoàn 24. Không thấy ông H, bà B canh tác và cũng không thấy ông T làm gì gần thửa đất nêu trên.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST, ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân Huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm c khoản 1 điều 39.

Căn cứ khoản 1 điều 2 luật đất đai năm 1993 sửa đổi bổ sung năm 1998 và năm 2001; khoản 4 điều 5; khoản 1 điều 50 luật đất đai năm 2003 sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 9 điều 3; khoản 1 điều 100 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ Điều 144; khoản 1 điều 147; khoản 1 điều 157; Điều 158; khoản 1 điều 165; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Tính H và bà Nguyễn Thị B về việc yêu cầu bị đơn chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn H trả lại diện tích đất bị lấn chiếm là 756m².

Về nguyên đơn yêu cầu chị H, anh H tháo dỡ công trình xây dựng trên đất trả lại nguyên trạng ban đầu đã được UBND xã C, Huyện Đ giải quyết bằng quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 57/QĐ-XPVPHC các đương sự có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện theo thủ tục tố tụng hành chính.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

Ngày 10-9-2020, nguyên đơn ông Trần Tính H và bà Nguyễn Thị B kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm yêu cầu: Sửa bản án sơ thẩm số 05/2020/DS-ST, ngày 27-8-2020 của Tòa án nhân dân Huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum theo hướng chấp nhận

đơn khởi kiện của nguyên đơn buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn H và chị Phạm Thị H pH trả lại 756m² đất đang lấn chiếm và tháo dỡ toàn bộ các công trình xây dựng trên đất. Với các lý do nguồn gốc đất là do vợ chồng nguyên đơn tạo lập hợp pháp, được nhiều người làm chứng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo. Các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum phát biểu ý kiến như sau:

Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thủ tục tố tụng; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua phân tích, đánh giá các tình tiết, chứng cứ, nội dung đơn kháng cáo đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét. Căn cứ vào Điều 293 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn đề ngày 10/9/2020

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST, ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân Huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét nội dung, quyết định của bản án sơ thẩm, đơn kháng cáo của đồng nguyên đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân Huyện Đắk Tô thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và đúng theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Tính H và bà Nguyễn Thị B Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về nguồn gốc diện tích 756m² đất tranh chấp: Nguyên đơn cho rằng đã nhận chuyển nhượng diện tích đất này từ bà Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Trọng T có lập giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất năm 1996, có xác nhận của chính quyền địa phương (bản sao công chứng). Bị đơn cho rằng nguồn gốc thửa đất tranh chấp vợ chồng anh chị khai Hng và sử dụng từ năm 1997 đến nay.

Xét thấy, ông H, bà B và anh H, chị H đều chưa được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất này. Bà H, anh T đều khẳng định có chuyển nhượng đất cho ông H, bà B nhưng không xác định được tứ cận, kích thước các cạnh và khi chuyển nhượng không thực hiện đo đạc, bàn giao đất. Những người giao đất cho anh T, bà H là ông L và ông L cũng khẳng định việc giao đất cho anh T, bà H khi giải thể Lâm trường Quang Trung không thực hiện đo đạc, không có sơ đồ, không có giấy tờ giao đất.

Ngày 17/11/2000 UBND Huyện Đắk Tô cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Trần Tính H với diện tích 12.200 m² xác định phía bắc thửa đất giáp với đất ông T. Hồ sơ chuyển nhượng giữa ông Trần Tính H và bà Trần Thị Lộc Thu cũng xác định diện tích đất này

giáp đất ông T, không giáp phần đất còn lại của ông H, bà B nhưng ông H, bà B không có ý kiến khiếu nại gì đối với giấy chứng nhận đã được cấp, ông cho rằng thời điểm đó ông nhờ người làm GCNQSDĐ nên ông không đề ý. Tại biên bản làm việc ngày 25/11/2020 giữa Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum và Ủy ban nhân dân Huyện Đăk Tô trả lời: Đối với việc cấp GCNQSDĐ cho ông H ghi Phía bắc giáp đất ông T, qua xác M thời điểm đó phía bắc đất ông H không có ai tên T tại vị trí đó, còn vì sao trên GCNQSDĐ ghi tên giáp ông T thì UBND Huyện không biết lý do vì hồ sơ đã bị cháy.

Hiện nay, UBND Huyện Đăk Tô xác định toàn bộ thửa đất đang tranh chấp thuộc thửa đất số 08 tờ bản đồ số 72 tại thôn 2, xã Tân Cảnh, Huyện Đăk Tô đã được UBND Huyện Đăk Tô giao cho UBND xã Tân Cảnh quản lý tại thông báo số 38/TB-UBND ngày 23/6/2017, UBND xã Tân Cảnh thực hiện việc quản lý đất đai theo đúng quy Đ của pháp luật. Việc chị H, anh H lấn chiếm và xây dựng trái phép đã được UBND xã xử lý tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 57/QĐ-XPVPHC ngày 22/6/2020. Tại phiên tòa chị H cũng cho rằng đất đang tranh chấp là đất của Nhà nước, chị đang sử dụng và chị đã bị xử phạt vi phạm hành chính.

Theo lời khai của ông H thì ông, bà không sử dụng đất liên tục từ năm 2008 đến khi xảy ra tranh chấp năm 2016. Vào ngày 17/11/2000 ông H được cấp GCNQSDĐ với diện tích là 12.220m², ông H chưa chứng M được lý do vì sao khi cấp giấy chứng nhận không cấp hết toàn bộ thửa đất ông đang tranh chấp mà chỉ được cấp 12.220m². Ông H có quyền tiếp tục chứng M nếu có đủ căn cứ thì cơ quan có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ cho ông theo quy Đ.

Từ những phân tích trên, chưa đủ cơ sở để khẳng Đ diện tích 756m² đất đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông H, bà B.

[3] Đối với yêu cầu tháo dỡ công trình trên đất cấp sơ thẩm cho rằng đã được UBND xã C, Huyện Đ giải quyết bằng quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 57/QĐ-XPVPHC ngày 22/6/2020 là chưa đầy đủ, chưa giải quyết hết yêu cầu của nguyên đơn, nhưng do yêu cầu trả lại đất của nguyên đơn không được chấp nhận nên việc yêu cầu tháo dỡ công trình trên đất cũng không có cơ sở để chấp nhận, nên xét thấy không cần thiết pH sửa án về nội dung này.

Ngoài ra, tại biên bản xem xét, thẩm Đ tại chỗ hội đồng xác Đ diện tích đất tranh chấp là 756m², không xác Đ bao nhiêu đất thổ cư, bao nhiêu đất nông nghiệp. Nhưng tại biên bản Đ giá tài sản Hội đồng xác Đ thửa đất đang tranh chấp có 400m² đất thổ cư là không có căn cứ vì đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong hồ sơ không có tài liệu nào để chứng M thửa đất này có 400m² là đất thổ cư, đây là thiếu sót của cấp sơ thẩm nhưng do không chấp nhận đơn nên không ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự, cần rút kinh nghiệm.

[4] Từ những nhận định, phân tích ở trên, Hội đồng xét xử thấy rằng kháng cáo của đồng nguyên đơn ông Trần Tính H và bà Nguyễn Thị B không có cơ sở để chấp nhận.

[5] *Án phí dân sự phúc thẩm:* Do kháng cáo của đồng nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông H, bà B là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn án phí dân

sự phúc thẩm cho ông H, bà B theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 293; khoản 1 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của đồng nguyên đơn ông Trần Tính H và bà Nguyễn Thị B đề ngày 10/9/2020.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST, ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân Huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum.

2. Căn cứ khoản 9 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm c khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 2 Luật đất đai 1993; khoản 1 Điều 50 Luật đất đai 2003; khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Tính H và bà Nguyễn Thị B về việc yêu cầu bị đơn chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn H trả lại diện tích đất bị lấn chiếm là 756m².

Về nguyên đơn yêu cầu chị H, anh H tháo dỡ công trình xây dựng trên đất trả lại nguyên trạng ban đầu đã được UBND xã C, Huyện Đ giải quyết bằng quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 57/QĐ-XPVPHC các đương sự có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện theo thủ tục tố tụng hành chính.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Trần Tính H, bà Nguyễn Thị B.

Các quyết Định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (09/12/2020).

Nơi nhận:

- Tòa án ND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND t. Kon Tum;
- Chi cục THADS huyện Đắk Tô;
- VKSND huyện Đắk Tô;
- TAND huyện Đắk Tô;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Như Mai (Đã ký)

